

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 36/2024/HS-ST

Ngày 17/5/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhuận - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị N - sinh năm 1986; Nơi cư trú: **Thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông **Nguyễn Văn V** và bà **Phạm Thị S**; có chồng **Võ Văn L**, có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án: Tại Bản án số 87/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xử phạt **Nguyễn Thị N** 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2022, chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 23/4/2019.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/01/2024, chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H từ ngày 15/01/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn P - sinh năm 1996; Nơi cư trú: **Thôn X, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông **Lê Văn P1** và bà **Phạm Thị H**

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/01/2024, chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K từ ngày 15/01/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Vũ Tiến P2** – sinh năm 1976

Trú tại: Số A T, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên toà.

+ Ông Lê Thành L1 – sinh năm 1985

Trú tại: Số B N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên toà.

- *Người làm chứng*: Chị Bùi Thị T, anh Lương Văn Q, ông Nguyễn Hữu T1, anh Nguyễn Lưu C. Đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chiều ngày 07/01/2024, do có nhu cầu sử dụng ma túy loại “đá” nhưng không có tiền, Nguyễn Thị N rủ Lê Văn P cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, biển số 34B2-029.41 (do P mượn trước đó của bạn là anh Lê Thành L1, sinh năm 1985, trú tại số B N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương). N và P đến nhà anh L1, P hỏi anh L1 cho mượn chiếc xe trên đem đi cầm cố để lấy tiền sử dụng vào việc cá nhân, mấy hôm sau sẽ chuộc xe trả lại anh L1, anh L1 đồng ý. Sau đó, P cùng N đến cầm cố chiếc xe trên cho anh Vũ Tiến P2, sinh năm 1976 là chủ quán C1, địa chỉ ở số A T, phường P, thành phố H để vay 3.500.000 đồng, P nhận tiền rồi đưa lại cho N. Sau khi có tiền, N và P thuê xe taxi (không xác định được hãng xe, biển số, người lái xe) đến huyện A, thành phố Hải Phòng để mua ma túy. Khi đến nơi, P và lái xe taxi ở trên xe chờ, còn N một mình đi bộ vào khu vực đường tàu mua của một người đàn ông (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) 3.000.000 đồng được 01 túi nilon chứa ma túy loại “đá”, N bảo người này chia ra thành 02 túi nhỏ. N cầm 02 túi ma túy quay lại xe taxi và bảo về nhà nghỉ H2 ở thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương, mục đích để sử dụng ma túy. Trên đường đi, N đưa cho P 01 túi ma túy, P chia số ma túy này cho vào 02 túi nilon nhỏ màu trắng, viền khoá màu xanh, kích thước (3x3)cm và (2,5x2)cm; N giữ lại 01 túi nilon màu trắng, viền khoá màu đỏ, kích thước (7x4)cm chứa ma túy loại “đá”. Khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày, khi đến nhà nghỉ H2, N trả 500.000 đồng tiền taxi, rồi cùng P vào thuê phòng nhưng không thuê được nên ra đứng trước cửa quán bán đồ phong thủy T ở sát cạnh nhà nghỉ để chờ xe taxi đến đón đi tìm địa điểm khác sử dụng ma túy. Trong lúc chờ xe, sợ bị phát hiện, N cất giấu 01 túi ma túy do N giữ vào khe lá cây thiết mộc lan, P cất giấu 02 túi ma túy do P giữ nêu trên vào gốc cây tại khu vực này. Hồi 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi N và P đang ngồi tại khu vực ven đường trước cửa quán bán đồ phong thủy T thì bị Tổ công tác của Công an huyện K phối hợp với Công an xã C phát hiện, bắt quả tang, thu giữ 02 túi nilon màu trắng, viền khoá màu xanh, kích thước (3x3)cm và (2,5x2)cm tại gốc cây (niêm phong ký hiệu M1); 01 túi nilon màu trắng, viền khoá màu đỏ, kích thước (7x4)cm trên lá cây thiết mộc lan (niêm phong ký hiệu M2) (gần vị trí ngồi của N và P), bên trong 03 túi nilon đều chứa chất tinh thể màu trắng, N và P đều khai là ma túy loại “đá”, mục đích để sử dụng. Ngoài ra, còn quản lý của P 40 vỏ túi nilon màu trắng viền khoá màu xanh, đều có kích thước

(2,5x2)cm và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6; quản lý của **N** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện K** tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Nguyễn Thị N** và **Lê Văn P**, kết quả không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại Bản kết luận giám định số 100/KL-KTHS ngày 10/01/2024 của **Phòng K Công an tỉnh H**, kết luận: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong 02 túi nilon màu trắng viền khoá màu xanh được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1, gửi đến giám định tổng khối lượng là 1,552g (Một phẩy năm trăm năm mươi hai gam) là ma túy, loại Methamphetamine. Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong túi nilon màu trắng viền khoá màu đỏ được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2, gửi đến giám định khối lượng là 1,980g (Một phẩy chín trăm tám mươi gam) là ma túy, loại Methamphetamine. **H1** lại đối tượng giám định gồm: 1,410g (Một phẩy bốn trăm mười gam) ma túy loại Methamphetamine, 02 vỏ túi nilon màu trắng viền khoá màu xanh và 01 vỏ phong bì ký hiệu M1 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1); 1,794g (Một phẩy bảy trăm chín mươi bốn gam) ma túy loại Methamphetamine, 01 vỏ túi nilon màu trắng viền khoá màu đỏ và 01 phong bì ký hiệu M2 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2). Đối tượng giám định được hoàn lại trong 02 phong bì ký hiệu T1, T2 đều niêm phong số 100/KL-KTHS.

Kết quả kiểm tra mẫu nước tiểu ngày 08/01/2024 của **Nguyễn Thị N** và **Lê Văn P** đều dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKS ngày 10/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo **Nguyễn Thị N** về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và bị cáo **Lê Văn P** về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị N** và **Lê Văn P** về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng: Điểm a, c khoản 1 Điều 249, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Thị N**

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Lê Văn P**.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N** từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 07/01/2024.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn P** từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 07/01/2024.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu huỷ: 1,410g (Một phẩy bốn trăm mười gam) ma túy loại

Methamphetamine, 02 vỏ túi nilon màu trắng viền khoá màu xanh và 01 vỏ phong bì ký hiệu M1 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1); 1,794g (Một phẩy bảy trăm chín mươi bốn gam) ma túy loại Methamphetamine, 01 vỏ túi nilon màu trắng, viền khoá màu đỏ và 01 phong bì ký hiệu M2 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2), phong bì ký hiệu T1, T2 đều niêm phong số 100/KL-KTHS, 40 vỏ túi nilon.

Trả lại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 cho bị cáo **N** và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 cho bị cáo **P**.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo **N**, **P** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo **Nguyễn Thị N** và **Lê Văn P** khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo **Nguyễn Thị N** và **Lê Văn P** tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 22 giờ 30 phút ngày 07/01/2024, tại **thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương**, **Nguyễn Thị N** và **Lê Văn P** có hành vi cất giấu trái phép 03 túi nilon chứa ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là 3,532 gam, với mục đích để sử dụng thì bị Tổ công tác của **Công an huyện K** phối hợp với **Công an xã C** phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo **Nguyễn Thị N** đã bị kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo **Nguyễn Thị N** phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm a, c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự và **Lê Văn P** phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến trật

tự, an toàn xã hội, còn là nguyên nhân làm lan truyền tệ nạn ma túy và phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác, cũng như ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi cố ý đã gây ra và phải chịu một hình phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **P** không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo **N** năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Kim Thành xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy nhưng chưa được xóa án tích mà còn phạm tội nhưng hành vi này của bị cáo đã được xác định là tình tiết định khung nên không được áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên bị cáo **N** không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Đây là vụ án có yếu tố đồng phạm nên để đánh giá tính chất, vai trò của các bị cáo thì thấy: Trong vụ án này các bị cáo **N**, **P** đều là người trực tiếp thực hiện tội phạm, trong đó bị cáo **N** là người khởi xướng, trực tiếp mua ma túy nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo **P** cầm cố xe lấy tiền đưa cho bị cáo **N** mua ma túy, đồng phạm với vai trò thực hành tích cực.

[6] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, cần phải xử phạt nghiêm và áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người nghiện ma túy, không có công việc, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 1,410g (Một phẩy bốn trăm mười gam) ma túy loại Methamphetamine, 02 vỏ túi nilon màu trắng viền khoá màu xanh và 01 vỏ phong bì ký hiệu M1 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1); 1,794g (Một phẩy bảy trăm chín mươi bốn gam) ma túy loại Methamphetamine là loại ma túy nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu cho tiêu huỷ. Đối với 01 vỏ túi nilon màu trắng viền khoá màu đỏ và 01 phong bì ký hiệu M2 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2), phong bì ký hiệu T1, T2 đều niêm phong số 100/KL-KTHS, 40 vỏ túi nilon không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu huỷ.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 của **P** và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 của **N**. Do các bị cáo bị xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội và đều có đề nghị được nhận lại điện thoại nên cần trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 cho bị cáo **N** và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 cho bị cáo **P**.

[9] Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo **Nguyễn Thị N** và **Lê Văn P** đều khai mua của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ, Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xác minh nên Tòa án không xét.

[10] Đối với chiếc xe mô tô biển số 34B2-029.41 là của anh **L1** cho **P** mượn, **P** cầm cố xe cho anh **P2** lấy tiền cùng **N** mua ma túy. Anh **L1** đã nhận lại được xe, anh **P2** đã nhận lại được tiền cầm cố và đến nay anh **L1** và anh **P2** không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đặt ra việc giải quyết.

[11] Trong vụ án này, đối với anh **Lê Thành L1** cho **P** mượn xe mô tô để cầm cố và anh **Vũ Tiến P2** nhận cầm cố xe cho **P** vay tiền nhưng không biết các bị cáo sử dụng tiền để mua ma túy, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện K** không đặt ra việc xử lý là phù hợp.

[12] Đối với kết quả kiểm tra dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine, **N** và **P** khai do một mình tự sử dụng trước đó, không nhớ thời gian, địa điểm cụ thể và người bán chất ma túy nêu trên cho **N**, tài liệu điều tra không xác định được là ai, ở đâu, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện K** không có căn cứ để xử lý nên không đặt ra việc giải quyết.

[13] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **N**; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **P**.

Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo **N, P**.

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị N** và bị cáo **Lê Văn P** phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Thị N** **04 (bốn)** năm **03 (ba)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 07/01/2024

- Bị cáo **Lê Văn P** **03 (ba)** năm **09 (chín)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 07/01/2024

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu cho tiêu huỷ: 1,410g (Một phẩy bốn trăm mười gam) ma túy loại Methamphetamine, 02 vỏ túi nilon màu trắng viền khoá màu xanh và 01 vỏ phong bì ký hiệu M1 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1); 1,794g (Một phẩy bảy trăm chín mươi bốn gam) ma túy loại Methamphetamine, 01 vỏ túi nilon màu trắng viền khoá màu đỏ và 01 phong bì ký hiệu M2 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định (được niêm phong trong

phong bì ký hiệu T2), phong bì ký hiệu T1, T2 đều niêm phong số 100/KL-KTHS, 40 vỏ túi nilon.

Trả lại: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04 cho bị cáo **N** và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 cho bị cáo **P**.

(Vật chứng được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, có đặc điểm theo như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 24/4/2024 giữa Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành).

4. Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Thị N** và bị cáo **Lê Văn P** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Kim Thành
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Kim Thành
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Hải Dương.
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Kim Thành.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Hạnh